TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2023
V/v "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Đỗ Văn Riều;
2. Ông Phạm Danh Hiếu;
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2022/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Ngọc G**, sinh ngày 04/9/1984 (Xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang
***** *Bị đơn*: Anh **Phạm Thanh S**, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp TN, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Chị G và anh S qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã GC theo giấy chứng nhận kết hôn số 188 ngày 08/11/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh S bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác bên ngoài. Nay tình cảm không còn nên chị G yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị G và anh S có 01 con chung tên Phạm Thị Thiên T, sinh ngày 23/4/2012 hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn anh S mặc dù được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh S nhưng do anh S vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh S và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc G có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Phạm Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị G và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình chung sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Phía anh S đã được triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh S không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa chị G và anh S đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị G và anh S có 01 con chung tên Phạm Thị Thiên T, sinh ngày 23/4/2012 hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc cháu T từ nhỏ đã được chị G chăm sóc. Để ổn định trong quá trình sinh hoạt, tại biên bản xác minh ngày 06/01/2023 chính quyền địa phương xác định chị G có đủ điều kiện về kinh tế và chăm sóc con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, giao chị G được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị G không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[**4]** Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc G được ly hôn với anh Phạm Thanh S.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Ngọc G được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Thiên T, sinh ngày 23/4/2012; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí : Chị Nguyễn Ngọc G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007073 ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã BX, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

LÊ THỊ HẰNG